

SOME ISSUES CONCERNING TRADITIONAL WOODEN ARCHITECTURE IN THANH HOA

Ha Dinh Hung

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: hadinhhung@dvttdt.edu.vn

Received: 15/7/2025

Reviewed: 17/7/2025

Revised: 20/7/2025

Accepted: 24/10/2025

Released: 31/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.55988/2588-1264/290>

Traditional wooden architecture is an important component of Vietnam's tangible cultural heritage, reflecting the community's technical sophistication, aesthetic mindset, and cultural identity across historical periods. Thanh Hoa Province currently preserves a considerable number of wooden architectural works-communal houses, pagodas, temples, shrines, and ancestral halls-with high artistic and historical value. This paper analyzes selected issues related to traditional wooden architecture in Thanh Hóa, including structural features, construction techniques, artistic styles, and the current state of conservation and use. Drawing on literature review, field surveys, and expert interviews, the study initially identifies the distinctive values of local wooden architecture and proposes orientations for effectively conserving and promoting this heritage in the contemporary context.

Keywords: Traditional wooden architecture; Tangible cultural heritage; Communal houses and pagodas; Thanh Hoa; Architectural conservation; Local culture.

1. Giới thiệu

Kiến trúc gỗ truyền thống là một bộ phận quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa vật thể của dân tộc Việt Nam, thể hiện sự kết tinh của kỹ thuật xây dựng, thẩm mỹ nghệ thuật và tư duy bản địa qua nhiều thế kỷ. Trong bức tranh đa dạng của kiến trúc truyền thống vùng Bắc Trung Bộ, Thanh Hóa nổi lên như một địa phương có vị trí đặc biệt với số lượng lớn công trình kiến trúc gỗ cổ như đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ... được bảo tồn tương đối nguyên vẹn. Những công trình này không chỉ mang giá trị nghệ thuật - kỹ thuật cao mà còn phản ánh đặc trưng văn hóa, tín ngưỡng và sinh hoạt cộng đồng qua các thời kỳ lịch sử.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị nổi bật, kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa hiện đang đối mặt với nhiều vấn đề như: sự xuống cấp tự nhiên do thời gian và điều kiện khí hậu; ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa; sự thiếu hụt nhân lực có tay nghề trong bảo tồn, phục dựng; và đặc biệt là việc nhận diện và đánh giá chưa đầy đủ về giá trị lịch sử, văn hóa của loại hình kiến trúc này trong công tác quản lý di sản. Mặt khác, một số công trình đã bị biến đổi hoặc thay thế bởi kiến trúc mới, làm mai một đi những giá trị nguyên gốc vốn có.

Xuất phát từ thực trạng đó, bài viết này tập trung khảo sát một số vấn đề nổi bật trong kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa, bao gồm: đặc điểm kết cấu, vật liệu, phong cách nghệ thuật; những biến động trong lịch sử tồn tại và sử dụng; và các thách thức đặt ra trong việc bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị. Thông qua đó, tác giả mong muốn góp phần cung cấp cơ sở nhận thức rõ hơn về giá trị của di sản kiến trúc gỗ truyền thống, đồng thời đề xuất một số định hướng nhằm bảo tồn bền vững trong bối cảnh hiện đại.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Trong những năm gần đây, kiến trúc gỗ truyền thống Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, với các công trình tập trung vào các khía cạnh như lịch sử hình thành, đặc điểm kết cấu - kỹ thuật, phong cách nghệ thuật cũng như giá trị

văn hóa - tâm linh gắn liền với không gian kiến trúc. Nhiều công trình tiêu biểu có thể kể đến như: *Kiến trúc cổ Việt Nam* (Phan Văn Dàn, 1993), *Mỹ thuật của người Việt* (Nguyễn Quân - Phan Cẩm Thượng, 1989), *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam* (Chu Quang Trứ, 1996), *Đình Việt Nam* (Hà Văn Tấn, 1998), *Đình chùa, làng tâm nổi tiếng Việt Nam* (Trần Mạnh Thường, 1998), *Kiến trúc gỗ truyền thống Việt Nam* (2004), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng* (2008) của Trần Lâm Biền, *Đình làng Việt- lịch sử, kiến trúc, văn hóa* (Nguyễn Đức Hòa, 2011)... đã cung cấp những nền tảng lý luận và tư liệu thực tiễn quan trọng cho việc nhận diện và phân tích kiến trúc gỗ truyền thống trên cả nước. Ở góc độ địa phương, các công trình *Nghiên cứu di sản văn hóa truyền thống Thanh Hóa - loại hình kiến trúc, điêu khắc* (2008) của Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa, *Nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa* (2008) của Lê Văn Tạo, Hà Đình Hùng, *Nghệ thuật điêu khắc gỗ truyền thống Thanh Hóa* (2012) của Lê Văn Tạo, “Vài nét thoáng qua về kiến trúc gỗ truyền thống Thanh Hóa” (2007) của Phạm Văn Tấn... đã bước đầu đề cập đến kiến trúc gỗ truyền thống như một bộ phận trong tổng thể di sản văn hóa vật thể. Mặc dù vậy, phần lớn những nghiên cứu này thiên về mô tả, chưa đi sâu phân tích những vấn đề cốt lõi như biến đổi kiến trúc theo thời gian, tác động của điều kiện tự nhiên - xã hội, hay các nguy cơ và thách thức trong bảo tồn.

Đáng lưu ý, vẫn còn khoảng trống trong nghiên cứu chuyên biệt về kiến trúc gỗ truyền thống tại Thanh Hóa như một hệ hình riêng biệt với đặc trưng địa phương - từ kỹ thuật xây dựng, chất liệu sử dụng đến yếu tố biểu tượng - tín ngưỡng trong thiết kế không gian. Việc thiếu các nghiên cứu liên ngành, đặc biệt là giữa kiến trúc học, dân tộc học và bảo tồn di sản, cũng khiến việc đánh giá toàn diện giá trị của các công trình này chưa thật đầy đủ. Do vậy, bài viết này được thực hiện nhằm góp phần bổ sung khoảng trống đó thông qua tiếp cận một số vấn đề nổi bật trong kiến trúc gỗ truyền thống tại địa phương, từ đó gợi mở hướng nghiên cứu chuyên sâu và bảo tồn hiệu quả hơn trong thời gian tới.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài báo được thực hiện trên cơ sở tiếp cận liên ngành, kết hợp giữa các lĩnh vực kiến trúc học, văn hóa học và bảo tồn di sản nhằm phân tích tổng thể những giá trị và vấn đề đặt ra đối với kiến trúc gỗ truyền thống tại Thanh Hóa. Trên nền tảng đó, cách tiếp cận chủ đạo là tiếp cận lịch đại - đồng đại và tiếp cận văn hóa - kiến trúc, trong đó chú trọng đến mối quan hệ giữa công trình kiến trúc với bối cảnh lịch sử, địa lý, tín ngưỡng và đời sống cộng đồng.

Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng tổng hợp các phương pháp định tính sau:

Phương pháp khảo cứu tài liệu: Thu thập, phân tích và hệ thống hóa các tài liệu có liên quan như sách chuyên khảo, bài báo khoa học, hồ sơ di tích, báo cáo điều tra, tư liệu bảo tồn và các văn bản pháp lý liên quan đến di sản kiến trúc gỗ tại Thanh Hóa.

Phương pháp điền dã thực địa: Tiến hành khảo sát trực tiếp tại một số công trình kiến trúc gỗ tiêu biểu ở Thanh Hóa như đình Gia Miêu, chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, đền Đồng Cổ, nhà thờ họ Trịnh... nhằm ghi nhận hiện trạng, cấu trúc, phong cách nghệ thuật, chất liệu xây dựng cũng như những thay đổi trong quá trình tồn tại và sử dụng.

Phương pháp quan sát - mô tả: Ghi nhận trực quan về các yếu tố kiến trúc (kết cấu cột kèo, hệ mái, trang trí điêu khắc gỗ...), không gian bố cục tổng thể, kỹ thuật xây dựng và mức độ nguyên gốc của các chi tiết nhằm phục vụ phân tích và đánh giá chuyên sâu.

Phương pháp phỏng vấn chuyên gia và người dân địa phương: Thu thập ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực bảo tồn di sản, cán bộ quản lý văn hóa và cư dân bản địa nhằm hiểu rõ hơn về vai trò, giá trị và nhận thức cộng đồng đối với các công trình kiến trúc gỗ truyền thống.

Phương pháp phân tích - so sánh: Đối chiếu giữa các công trình ở Thanh Hóa với các công trình kiến trúc gỗ truyền thống tại một số vùng khác nhằm nhận diện những điểm tương đồng, dị biệt và đặc trưng địa phương.

Thông qua sự kết hợp các phương pháp trên, bài viết không chỉ cung cấp cái nhìn thực chứng về hiện trạng kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa mà còn góp phần gợi mở các vấn đề cần quan tâm trong công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản này một cách bền vững.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Loại hình chùa

Trong tâm thức của người Việt, chùa là một không gian đặc biệt dành cho việc tu hành và thực thi các nghi thức Phật giáo. Phật giáo gắn liền với quá trình dựng nước, tinh thần Phật giáo thời Lý - Trần đã rất phù hợp với sự kết đoàn và sự khiêm ái của người Việt mới thoát ra khỏi cuộc chiến tranh bảo vệ đất nước.

Nhiều sư sãi có công khai hóa dân trí thông qua truyền bá kinh kệ và giáo lý nhà Phật, đặc biệt thời Lý - Trần nhiều nhà sư tài giỏi đã trở thành quốc sư, tham gia bàn chính sự, phò giúp các vua đánh giặc dựng nước.

Chính trong không gian Phật giáo thịnh hành và đóng góp đặc biệt cho sự phục hưng dân tộc mà kiến trúc chùa Phật có điều kiện phát triển. “Thời Lý - Trần chùa, tháp được xây cất khắp nơi, các làng xóm, đâu đâu cũng có chùa, mọi người nô nức ai cũng đi tu...” [8]. “Tứ đại khí” những vật thiêng, bảo khí quốc gia, chủ yếu cũng là các tượng, tháp, chuông chùa to lớn của thời này. Những chùa kiểu kiêu hành cung hay những đại danh lam được xây dựng từ thời Lý ở những địa danh nổi tiếng và linh thiêng có thể kể đến như chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh cũ), chùa Long Đọi (tỉnh Hà Nam cũ), chùa Chương Sơn (tỉnh Nam Định cũ), chùa Tường Long (thành phố Hải Phòng cũ)... Sử sách, văn bia cũng đã đề cập việc xuất hiện những chùa lớn được xây dựng ở Thanh Hóa dưới triều Lý - Trần, tuy nhiên dấu vết kiến trúc còn lại hiện nay thể hiện điều đó một cách rất mờ nhạt. Hiện nay chỉ có thể tìm hiểu di tích xưa qua nền móng và một vài hiện vật bằng đá ở các chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, Linh Xứng, Du Anh, Phúc Hưng, Báo Ân... còn lại một số chùa như: Hoa Long (huyện Vĩnh Lộc cũ), Đại Hùng-Chùa Vòm (huyện Thiệu Hóa cũ)... thì thực tế cũng là những lớp kiến trúc sau này được trùng tu, không sớm hơn thế kỷ XIX, với nhiều phong cách, đôi khi chấp vá rất khiên cưỡng.

4.2. Loại hình đền thờ

Đền thờ ở Thanh Hóa khá đa dạng và phong phú về loại hình, phát triển mạnh vào thời Lê - Trịnh. Phải chăng đây là thời kỳ mà nghệ thuật được các quan lại, quý tộc bảo trợ, mặt khác, do khát vọng tâm linh cần được thăng bằng sau hàng trăm năm nội chiến, mà mảnh đất xứ Thanh lại là bãi chiến trường khốc liệt?

Công cuộc khai khẩn mở mang đất nước, tạo dựng làng xã, lập nghề mới cho đến việc đánh giặc giữ nước, xuất hiện những thần tích, sử tích, nhân vật anh hùng, “biểu tượng” thiêng liêng được suy tôn, thờ tự. Có thể nói, ở xứ Thanh, hầu như làng nào cũng có đền thờ, làng nào cũng có những giai thoại, sử tích dân gian, chính yếu tố trên đã tạo cơ sở cho hệ thống các đền thờ được xây cất khá dày đặc.

Tuy nhiên, cũng như kiến trúc chùa, đền thờ thường được xây cất chủ yếu bằng vật liệu gỗ nên ngày nay hư hại khá nhiều, rất ít đền thờ còn nguyên vẹn.

Những đền thờ tiêu biểu hiện còn có giá trị nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc gỗ là: đền thờ Lê Đại Hành Hoàng đế (huyện Thọ Xuân cũ), đền thờ Thái úy Lý Thường Kiệt (huyện Hà Trung cũ), đền thờ Tô Hiến Thành, đền thờ Triệu Việt Vương, nghề Nguyệt Viên (huyện Hoằng Hóa cũ), đền thờ Đế Thiên - Đế Thích (huyện Đông Sơn cũ), nghề Giáp (huyện Triệu Sơn cũ), đền thờ Lê Uy-Trần Khát Chân (Thành phố Thanh Hóa cũ), đền Hồ Bái (huyện Yên Định cũ), đền Kim Ngô Long Hồ Thượng Tướng quân Trần Khát Chân (huyện Vĩnh Lộc cũ)...

Có thể nói, chính các đền thờ ở Thanh Hóa tạo nên tính đa dạng và tiềm ẩn nhiều giá trị văn hóa cần được nghiên cứu một cách cẩn thận, tỷ mỉ, giải mã một cách có hệ thống, qua đó có thể tìm hiểu rõ hơn về văn hóa, lịch sử, đời sống xã hội đương thời.

4.3. Loại hình đình làng

Trong số các loại hình kiến trúc truyền thống thì đình làng ở Thanh Hóa chiếm một số lượng tương đối lớn còn lại đến ngày nay. Phần lớn các đình làng ở Thanh Hóa đều được khởi

dựng tập trung vào thời kỳ nhà Nguyễn. Trong *Đình Việt Nam* (Hà Văn Tấn, 1998, 430) ghi nhận Thanh Hóa lúc bấy giờ có 9 ngôi đình, kiến trúc gỗ, chạm khắc đẹp ở tầm quốc gia gồm: Bảng Môn Đình, đình thôn Liêm Châu, đình thôn Hoàng Chung, đình Phú Khê (huyện Hoàng Hóa cũ), đình Làng Gạo (thị xã Bim Sơn cũ), đình Phương Chính, đình Hàm Hạ (huyện Đông Sơn cũ), đình Làng Sét (xã Định Hải, huyện Yên Định cũ), đình Phú Điền (xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc cũ). Quy mô các đình làng Thanh Hóa thường có không gian ngoại thất rộng rãi và phát triển chiều ngang nhiều hơn (trong khi phía Bắc thường phổ biến ba gian chính, hai gian phụ, độ dài đình thường từ 24 - 30m, rộng từ 10 - 16m). Kiến trúc đình làng phía Bắc thường có hình chữ nhật, dao động của chiều dài, chiều rộng và chiều cao thường ở tỷ lệ 5/3/2. Các đình làng ở xứ Thanh có chiều dài tăng, tỷ lệ giữa các chiều cạnh trên thường là: 5/2,5/1,8. Mặt khác, ở xứ Thanh ít thấy một thức kiến trúc có tính hoàn chỉnh nghiêm ngặt, với một không gian nội thất, với một gian giữa được thiết kế gác lửng làm điện thờ thành hoàng kiểu đình Chu Quyên, Tây Đằng hay được kéo dài gác lửng gian giữa tới tận nhà Hậu, một thức đặc biệt, như ở đình Mông Phụ (tỉnh Hà Tây cũ).

Tuy vậy, ở Thanh Hóa cũng có vài nơi đình được xây thêm hậu cung một cách chấp vá, chắp chừa là của thời sau.

Một điều dễ nhận ra nét đặc trưng của đình làng xứ Thanh là không gian kiến trúc khá rộng lớn, thể hiện ưu thế của vùng đất chưa bị sức ép về mật độ dân số như phía Bắc ở thế kỷ XVII - XIX. Hơn nữa, yếu tố văn hóa Nho giáo được biểu hiện rõ nét trong tất cả sự bài trí và chạm khắc ở đình làng Thanh Hóa. Người ta nhận thấy các họa tiết trang trí mang tính nhất quán là “tứ linh, tứ quý” hoặc sự biến điệu của linh thú, linh điều, hoa lá tự nhiên, đậm nét các giá trị văn hóa Nho giáo.

Trong *Nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hoá* (2008, Lê Văn Tạo, Hà Đình Hùng) đánh giá: “Không gian, môi trường kiến trúc đình làng ở xứ Thanh thường có độ thoáng, rộng, cao hơn các đình làng phía Bắc, do sức ép dân số chưa cao (2008,107). Khác hẳn với đình làng Bắc Bộ, đình làng Thanh Hóa, ít thấy có đề tài chạm khắc cảnh sinh hoạt nông thôn đương thời, chủ yếu chạm khắc hình tượng, biểu tượng thiêng liêng như các “tứ linh, tứ quý. Phải chăng, đó là một cách phản ánh một không gian văn hóa Nho giáo đậm đặc trong làng xã xứ Thanh ở thế kỷ XVII - XVIII (2008,172). Nghệ thuật kiến trúc và chạm khắc gỗ ở Thanh Hóa là một bộ phận đặc trưng của mỹ thuật Thanh Hóa. Kiến trúc gỗ đền, đình làng ở Thanh Hóa có một giá trị văn hóa độc đáo, thể hiện những giá trị lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương” (2008,189).

Về mật độ phân bố đình làng hiện còn thì ở các huyện Hà Trung, Yên Định, Hoàng Hóa cũ là những địa phương có số lượng đình nhiều hơn cả. Hầu hết, các công trình này đều được khởi dựng, trùng tu lớn vào những năm các vua Nguyễn trị vì. Mặt khác, những đặc trưng của kiến trúc đình làng xứ Thanh, như tính khoáng đạt về không gian, tính chắc chắn về cấu trúc, tính giản dị và bình dân về nội thất, tính nghiêm ngặt về khắc họa trang trí theo tinh thần Nho giáo đều có tính nhất quán.

4.4. Loại hình nhà ở dân gian

Qua khảo sát thực tế, nhiều ngôi nhà gỗ truyền thống ở Thanh Hóa được xây dựng từ thế kỷ XIX vẫn còn tồn tại đến nay, trở thành những “chứng tích sống” của văn hóa kiến trúc xứ Thanh. Do thời gian và những biến động xã hội, rất nhiều công trình đã hư hại, xuống cấp, tiêu biểu trong số này còn có thể đối chứng, đánh giá có nhà ông Phạm Ngọc Tùng ở xã Vĩnh Tiến (huyện Vĩnh Lộc cũ) và nhà ông Hoàng Ngọc Quỹ ở xã Hà Lâm (huyện Hà Trung cũ). Về quy mô, mặt bằng và kết cấu kiến trúc, các ngôi nhà truyền thống xứ Thanh chủ yếu theo kiểu “ba gian hai chái” hoặc “bảy gian truyền thống”, có sân - vườn - ao tạo thành tổng thể không gian ở thống nhất. Nhà ông Phạm Ngọc Tùng, được xây dựng khoảng năm 1810, có quy mô lớn hiếm thấy với bảy gian, mái ngói ta, hệ vì kèo kẻ truyền - chồng rường chắc chắn, được xem là một trong những ngôi nhà dân gian tiêu biểu gắn với vùng di sản Thành nhà Hồ. Trong khi đó, nhà ông Hoàng Ngọc Quỹ ở Hà Lâm mang dáng dấp một ngôi nhà ba gian hai chái điển hình vùng chiêm trũng Hà Trung, phù

hợp điều kiện khí hậu, thủy văn địa phương, với phân hiên rộng, nền đá ong và hệ thống cửa gỗ truyền thống linh hoạt.

Vật liệu và kỹ thuật xây dựng phổ biến sử dụng gỗ lim, sến hoặc gỗ quý bản địa, ngói đất nung, kết cấu móng gỗ thủ công không dùng đinh sắt. Đây là minh chứng cho trình độ tay nghề cao của các nhóm thợ mộc địa phương thế kỷ XIX, đồng thời thể hiện sự thích nghi khéo léo với điều kiện khí hậu nóng ẩm của vùng Bắc Trung Bộ.

Về giá trị nghệ thuật - thẩm mỹ thể hiện rõ nét qua hệ thống chạm khắc trang trí trên vì kèo, kẻ bẩy, cốn mê, đầu dư... với các mô - típ tứ linh, tứ quý, hoa lá cách điệu. Nhà ông Phạm Ngọc Tùng nổi bật với bố cục trang trí cân xứng, kỹ thuật chạm sâu - nổi tinh xảo mang phong cách Hậu Lê - Nguyễn muộn, còn nhà ông Hoàng Ngọc Quý được ghi nhận bởi những mảng chạm tùng - cúc - trúc - mai, tùng hóa long đặc trưng của phong cách Hà Trung, phản ánh trình độ mỹ thuật cao của các nghệ nhân địa phương.

Có thể khẳng định từ hai trường hợp tiêu biểu nêu trên cho thấy, kiến trúc nhà ở dân gian truyền thống Thanh Hóa hội tụ đầy đủ giá trị kiến trúc, nghệ thuật và lịch sử đặc sắc. Nhà ông Phạm Ngọc Tùng tiêu biểu về quy mô, kết cấu, gắn với Thành nhà Hồ; nhà ông Hoàng Ngọc Quý nổi bật bởi chạm khắc tinh xảo, phản ánh rõ phong cách kiến trúc truyền thống xứ Thanh.

5. Thảo luận

Kiến trúc gỗ là một dạng thức kiến trúc truyền thống khá điển hình ở Việt Nam cũng như trong toàn vùng Đông Nam châu Á. Gỗ cũng là nguồn nguyên liệu có sẵn từ tự nhiên và rừng trồng vùng nhiệt đới. Gỗ là loại vật liệu dễ thích ứng với các thức kiến trúc hỗn hợp nhiều loại vật liệu kết hợp, nhiều loại hình, từ kiến trúc cung đình đến kiến trúc bình dân.

Vật liệu gỗ có nhiều ưu điểm như mềm, dẻo, dai, vân thớ gỗ, màu sắc đa dạng, rất dễ đẽo gọt, chấp vá, tạo hình... Đây là thứ vật liệu kiến trúc, tạo hình điêu khắc độc đáo hấp dẫn mà không có thứ vật liệu nào sánh bằng. Nhưng điểm yếu của loại vật liệu này là tuổi thọ không cao bằng đá, gốm sứ, xét về khả năng chống lại sự phong hóa tự nhiên và hỏa hoạn.

Chính vì vậy, các công trình kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa hiện còn biết đến thường phổ biến có từ thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, một số đền, chùa còn lại nhiều mảng chạm khắc gỗ có niên đại sớm, ít nhất cũng từ thế kỷ XVII. Riêng kiến trúc nhà ở (bao gồm cả kiến trúc dinh thự của quý tộc), do nhiều yếu tố khác tác động, hầu như chưa tìm thấy một nhà ở có niên đại trước thế kỷ XIX.

Nghệ thuật kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa vừa có sắc thái chung mang tính tổng thể, không tách rời với nền cảnh nghệ thuật kiến trúc gỗ truyền thống dân tộc, lại vừa có nét riêng biệt thể hiện rõ những đặc trưng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... của một vùng địa linh, nhân kiệt.

Ngược dòng thời gian tìm hiểu về kiến trúc cổ truyền của người Việt cho chúng ta một cảm nhận về sự hình thành những căn nhà có hai mái chính trong hình vẽ trống đồng Đông Sơn như những mái lều che tạm của người nông dân Bắc Bộ ở đầu thế kỷ XX, hiện vẫn còn ở các làng quê nghèo. Những căn lều nhỏ này có kết cấu khá giản lược với những vì kèo suốt từ đỉnh mái đến mặt đất tạo ra các mái che. Dần dần, hai mái lều che này được nâng cao hơn mặt đất dựa trên hệ cột chống. Người ta sáng tạo dần ở hệ vì và hệ cột theo số lượng, làm cho quy mô căn nhà được mở rộng và nâng cao, phù hợp dần với khả năng kinh tế, thói quen, tập tục văn hóa, tín ngưỡng mỗi thời.

Trải qua hàng ngàn năm (tính từ khi nước Việt bước vào thời tự chủ - thế kỷ X), kiến trúc của người Việt căn bản vẫn chủ yếu dựa trên vật liệu gỗ làm bộ khung chịu lực nên quy mô không thay đổi đột biến, ít có công trình kiến trúc cổ nhiều tầng, bề thế. Ngày nay, chúng ta có thể nhận biết khá rõ ràng vấn đề trên thông qua các đình làng, đền, chùa hiện còn rải rác ở các miền quê. Theo Chu Quang Trứ: *“Cả đến cung điện của triều đình cũng chỉ là sự “nâng cấp” một chút của kiến trúc nhà dân khá giả và kiến trúc đình, chùa”*.

Vấn đề quy mô, kiến trúc truyền thống Việt có thể được bắt đầu bằng sự thay đổi, cải biến đồng thời bộ khung chịu lực và bộ che chắn mái, nâng cao dần khoảng cách giữa tàu mái và mặt

đất. Mặt khác, từ bộ khung giản lược tăng dần sự cầu kỳ thêm thắt các phần kiến trúc trung gian và các mảng trang trí lớn ở các vị trí đặc biệt trong công trình.

Từ kiểu thức kiến trúc của người Stiêng hay nhà trình tường có bộ khung cột từ 5, 6 cột trên một vì kèo suốt giá chiêng, đây là mẫu đơn giản nhất và cũng mang tính cơ bản cho các thể biến cách sau này. Nhưng rõ ràng với kết cấu sơ giản chỉ tập trung chia đều lực cho các cột cái, cột nhì, cột ba, được đan giăng phía trên bởi các hệ vì kèo suốt và các đòn tay; hệ giăng dưới bằng các giăng ngách cửa và xuyên lui, thì chỉ phù hợp loại nhà nhỏ. Bộ khung mới được cải biên gồm hệ thống cột làm trụ chịu lực thẳng đứng đa dạng hơn. Bắt đầu từ hệ cột cái, gia cố bởi các câu đầu (chiều dọc) và các hoành (chiều ngang).

Đối với các mẫu kiến trúc cần phát triển chiều cao của công trình, người thợ sáng tạo ra các tình huống tạo tầng mái nhưng không có hệ thống cột trụ liên tục từ mặt đất. Đây là lý do khó có thể có một bộ cột cái có chiều cao lý tưởng trên 10m cho nhiều công trình nhà chùa hay những đình làng theo kiểu thức phương đình. Trong trường hợp này, kết cấu tầng một là hệ cột cái, cột hiên, cột quân (thậm chí cả hàng cột hiên phụ ngoài cùng) được kết cấu giăng ngang với các hoành, câu đầu, xà nách, tạo nền tảng vững chắc cho các hệ trụ trốn ở tầng trên phát triển. Đặc biệt, việc biến thể ở các phần tiếp nối gian giữa nhà tiền đường (nhà ngang) và nhà hậu cung (nhà dọc), biến cải thêm một bộ vì phụ ở hai gian chái để tạo hai mái hai bên và tạo bờ dải có đầu đao vươn xa là một nghệ thuật khéo léo, tài tình của người thợ xưa.

Sự biến cải hệ thống cột chịu lực đã kéo theo sự thay đổi về độ lớn của mỗi bước gian và độ lớn của khoảng cách mỗi bước cột. Do vậy, căn bản không gian nội thất kiến trúc truyền thống đã đổi khác.

Một vì suốt từ đỉnh mái xuống đến tàu mái không còn khả thi vì khó có thể có vật liệu đủ độ dài, mặt khác cần có sự đàn hồi, co giãn cần thiết cho một khẩu độ kiến trúc lớn như vậy. Tất nhiên là việc lựa chọn giải pháp xử lý kỹ thuật phân ra nhiều mô-đun kiến trúc thành phần là giải pháp hữu hiệu nhất. Bộ vì mới được thay thế bằng cả một hệ thống: các ván nong nằm trên các kê chuyển đỡ các hoành mái, hoặc các rường cánh trực tiếp đỡ hoành mái. Các bộ kê chuyển hay bộ rường cánh này linh hoạt thay đổi độ dài ngắn, kết cấu chông rường lên nhau hay có trung gian là các đầu, trụ, các guốc liên kết là rất khác nhau, tùy thuộc sự hưng phấn sáng tạo của mỗi hiệp thợ.

Bộ xà nách cũng được chú trọng, nhằm tăng khả năng mở rộng không gian nội thất cho công trình, đặc biệt trường hợp nhiều khi để mở rộng không gian của điện chính người ta phải thay thế nhiều cột trốn. Như vậy, các bước gian được mở rộng (cả về chiều ngang và chiều dọc) chính là nhờ sự biến cải của các kê chuyển, kê ngói và xà nách, cộng với hệ thống đầu, rường cánh ở nách hiên, rường suốt, cốn mê ở đỉnh mỗi bộ vì, các loại xà hoành, xà lòng, xà đai... đã tạo thành hệ đỡ, bộ giăng, có tính liên tục và đồng thời đã tạo ra một diện tích lý tưởng cho việc chạm khắc, trang trí với những đề tài đa dạng.

Đặc biệt, các kiến trúc kiểu đình phía Bắc như Chu Quyển, Tây Đằng (tỉnh Hà Tây cũ), Thổ Hà (tỉnh Bắc Giang cũ), Hương Canh (tỉnh Vĩnh Phúc cũ), An Hòa (tỉnh Hà Nam cũ)... đều có hai mái bên khá rộng, khẩu độ thường bắt đầu từ bộ vì cạnh gian chính, thêm một vì phụ và một phần nổi rộng hàng cột hiên ngoài cùng nữa làm cho bộ mái bên có độ rộng (bước nằm) tới hơn một gian, tương đương khoảng 3,5m - 6m; “bước ngói” của mái thường là 4m - 5,5m, tùy theo độ lớn của mỗi ngôi đình, đền hay chùa. Tỷ lệ giữa “bước nằm” và “bước ngói” trong kiến trúc đình, chùa Việt theo Chu Quang Trứ là 2/3 hoặc điều chỉnh gia giảm một chút, liên quan đến ứng xử độ dốc mái cho mỗi công trình.

Bộ mái được chú trọng gia tăng diện tích và tạo dáng uyển chuyển. Nhờ có việc cải biên bộ kết cấu khung của các công trình kiến trúc đền, chùa, đình làng mà diện tích các công trình trên được mở rộng. Ví dụ, đình Chu Quyển thuộc xã Chu Minh, huyện Ba Vì, Hà Tây cũ: Đình có ba gian chính và hai gian phụ, dài 30m có tới sáu cột hàng dọc và tám cột hàng ngang. Bốn cột cái gian giữa có chu vi tới 2,0m. Mái đình Chu Quyển có chiều dài tới 30m (mặt chính diện - chiều dài theo tàu mái) và chiều dốc mái (từ đỉnh đến giọt gianh) là 16m;

diện tích mái mỗi mặt trước, sau là 480m². Hai mái bên được biến cải thành hai cấp. Cấp thứ nhất có độ dốc ở góc đỉnh tới 30⁰, cấp thứ hai từ điểm ngang của câu đầu vì phụ xuống tàu mái. Bộ mái rộng lớn cả về chiều rộng và chiều dài, cả hai mái trước và sau khiến cho hệ chịu lực phải gia cố ngoài các hàng cột cái, quân, con, hiên. Tại các góc mái, bộ kết cấu được thiết kế cơ bản dựa vào bộ cột quân, cột con, cột hiên cả hai mặt trước và bên; bờ nóc (đầu kìm và vĩ ruồi của mặt mái bên) thường kết thúc tại 1/2 gian phụ (lớn bằng khẩu độ gian bên). Các đình làng ở Thanh Hóa thường có niên đại muộn hơn phía Bắc, kiến trúc cơ bản mang phong cách thời Nguyễn. Ít thấy một đình làng theo mẫu hoàn chỉnh như Chu Quyển hay Tây Đằng, mà thường thiên sang kết cấu giản lược theo kiểu nhà dài 5 gian, 7 gian và hai chái, trừ các đình Tam Lạc (huyện Triệu Sơn cũ), nghề Nguyệt Viên, đình Tào Trự (huyện Hoằng Hóa cũ) ở Thanh Hóa là kiến trúc theo kiểu phương đình có bốn mái cân xứng.

Không gian trong kiến trúc truyền thống dù là nhà dân, đình, đền hay chùa đều có chung một quan niệm, triết lý của người Việt: đó là những vấn đề về tâm linh, những tập tục, những kiêng kỵ và dần trở thành những công thức có tính lý tưởng cho việc chọn đất, chọn hướng lập dựng nhà ở, đình, chùa theo thuyết phong thủy.

Người dân Việt từ xa xưa đã có quan niệm về chọn hướng, thế đất tốt cho nơi ở, phải là một trung tâm trong một môi cảnh. Khi chọn lập đền thờ hay lăng tẩm thường chú trọng đến thế đất cao ráo; trước, sau, hai bên đều có thể nương tựa vững vàng, với thế núi kiểu "long châu, hổ phục", có minh đường rộng rãi với sinh khí tốt lành, nguồn nước và gió quần tụ. Khi chọn thế đất để lập nhà ở người ta còn chú trọng tránh cho nhau "góc ao, đao đình" thẳng diện nhà mình và mong muốn được "nhất cận thị, nhị cận tâm, tam cận giang, tứ cận lộ, ngũ cận điền".

Chính vì quan niệm trên mà trong một thế đất không thể di chuyển được người ta lại có những thiết kế có tính chế ngự lại những nhược điểm của tự nhiên. Ví như, việc xây dựng những con đường làng ngoằn ngoèo tưởng như không bao giờ đâm thẳng vào nhà và cũng tưởng như không bao giờ kết thúc. Người ta cũng sinh ra thuyết kiến trúc âm - dương đối đãi. Trong cấu trúc mỗi công trình người ta tạo ra nhiều bộ phận chính và phụ, trên dưới, tả hữu, trung tâm và vùng đệm một cách hài hòa.

Ví như để tạo ra thế chủ động, người ta thường thiết kế các tấm bình phong để che chắn từ xa, hạn chế tầm nhìn của khách vào nhà, đồng thời có tác dụng chắn gió độc. Lý thuyết này được áp dụng ở khu lăng mộ Lam Kinh, có thể xem: minh đường thoáng rộng, ẩn chứa long thủy tụ khí lành là dòng Lương Giang và dải đất rộng trước lăng, bình phong che chắn là núi Mực, thế tay ngai đỉnh đặc là núi Rồng và núi Hổ ở hai bên tả hữu, hậu chẩm vững vàng là núi Dầu...

Cũng theo lý thuyết trên, người ta có nhiều hình thức để yểm ở các vị trí chủ yếu có tính chắn giữ các hướng xung yếu đối với một công trình kiến trúc cổ truyền. Các hướng xung yếu mà theo quan niệm của người xưa cần chế ngự, không chỉ ở mặt đất mà cả ở 4 hướng: mặt đất, trên trời, trước sau, hai bên. Do vậy, bất kỳ công trình kiến trúc truyền thống nào chúng ta cũng bắt gặp cách bài trí các linh vật ở cửa ra vào (mặt đất), bờ dải, bờ nóc, đầu kìm (không trung, hai bên, trước sau). Đặc biệt, không chỉ linh thiêng hóa các diện, các hướng bên ngoài, mà bên trong lại tiếp tục được trang trí các tứ linh, tứ quý và sau này (ở các đình làng phía Bắc) nở rộ thêm các hình ảnh lăng mạn của các cảnh sinh hoạt dân dã xen lẫn các hình tượng thiêng liêng truyền thống. Tại gian giữa của các đền thờ, đình làng thường được thiêng hóa để tôn thêm sự thiêng liêng của bàn thờ Thành Hoàng làng. Trên các hoành ngang, câu đầu, xà nách, cốn chông rường, cốn xà nách của hai bộ vì gian giữa, bao giờ cũng được ưu tiên chạm trổ các biểu tượng tứ linh, tứ quý. Đồng thời, tại các hệ chông rường, rón nhện, phần nóc hai gian chái của đình, đền cũng được yểm mặt rồng, hay lân, nhằm chế ngự từ hai phía trên cao. Ngoài ra toàn bộ các đầu bẩy, kẻ hiên, ngưỡng trên bạo cửa, ván nong, bao cửa mặt tiền, thường được trang trí, chạm khắc nhằm thiêng hóa trước khi tiếp cận điện thờ chính.

Không gian kiến trúc truyền thống còn thể hiện phần ngoại thất với nhiều thành phần phụ trợ như cây cảnh, cổ thụ, sân, vườn, ao, hồ, giếng nước. Trên thực tế, sự vận dụng rất linh hoạt và sáng tạo ở mỗi thời kỳ, mỗi công trình, ví như tại đình Chu Quyển (Ba Vì, Hà Tây cũ) có

những cây đa hàng trăm năm tuổi, tỏa bóng che ngợp cả sân đình. Tại đình Tam Lạc (huyện Triệu Sơn cũ) có cây Trôi cao đến 60m, tuổi thọ trên 200 năm, mãi đến năm 1995 bị bão đánh đổ. Những cây cổ thụ này được xem như cây thiên mệnh, là “chiếc thang cho thần linh đi về từ cõi trời”. Nhiều đình, chùa người ta phải trồng cây bồ sung hàng năm cho không gian mát mẻ và chăm sóc bảo vệ những cây có nhiều năm tuổi, xem đó là những linh vật tự nhiên. Không gian sân, hồ, giếng nước là một phức hợp cùng hòa quyện với làng xóm, nhà ở dân sinh và núi sông thiên nhiên, làm cho kiến trúc truyền thống trở nên sinh động, đầm ấm trong cộng đồng, nhưng vẫn giữ được vẻ trang nghiêm cần thiết.

6. Kết luận

Kiến trúc chùa ở Thanh Hóa có nguồn gốc từ thời Lý - Trần, gắn liền với sự phát triển của Phật giáo, nhưng phần lớn chỉ còn lại dấu tích nền móng hoặc hiện vật đá. Đền thờ phát triển mạnh vào thời Lê - Trịnh, phong phú về loại hình và mang đậm dấu ấn tín ngưỡng dân gian và lịch sử. Đình làng chủ yếu được xây dựng dưới triều Nguyễn, có quy mô rộng, kết cấu chắc chắn, phản ánh rõ ảnh hưởng của Nho giáo và tổ chức cộng đồng làng xã. Nhà ở dân gian, đặc biệt là nhà sàn của các dân tộc thiểu số, thể hiện mối liên hệ chặt chẽ với môi trường tự nhiên, cấu trúc linh hoạt, phù hợp với điều kiện sinh hoạt và tín ngưỡng dân gian.

Tác giả nhấn mạnh rằng kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa vừa mang đặc điểm chung của kiến trúc Việt Nam, vừa có những yếu tố bản địa riêng biệt, phản ánh đời sống tinh thần, văn hóa, phong thủy và trình độ sáng tạo của cộng đồng cư dân. Qua đó, bài báo góp phần làm rõ giá trị văn hóa- lịch sử của kiến trúc gỗ truyền thống và khẳng định vai trò của nó trong di sản văn hóa dân tộc.

Vì lẽ đó, chúng tôi cố gắng đi vào nghiên cứu, tìm hiểu một cách có hệ thống ở các loại hình kiến trúc gỗ truyền thống điển hình còn lại đến ngày nay tại Thanh Hóa nhằm làm rõ hơn tính tương đồng cũng như tính đặc trưng mang sắc thái địa phương, mong có thể góp phần làm sáng tỏ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của nghệ thuật kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Lâm Biên (chủ biên) (2008), *Diễn biến kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Quân - Phan Cẩm Thượng (1989), *Mỹ thuật của người Việt*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
- [3]. Lê Văn Tạo - Hà Đình Hùng (2008), *Nghệ thuật kiến trúc, chạm khắc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa*, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [4]. Lê Văn Tạo (2012), *Nghệ thuật điêu khắc gỗ truyền thống Thanh Hóa*, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [5]. Hà Văn Tấn (1998), *Đình Việt Nam (Community Halls)*, Nxb Tổng hợp, Hà Nội.
- [6]. Trần Mạnh Thường (1998), *Đình chùa, lăng tẩm nổi tiếng Việt Nam*, Nxb VHNT, Hà Nội.
- [7]. Chu Quang Trứ (1996), *Kiến trúc dân gian truyền thống Việt Nam*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội.
- [8]. Chu Quang Trứ (2002), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật, tập 2*, Viện Mỹ thuật, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội.
- [9]. Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa (2008), “*Nghiên cứu di sản văn hóa truyền thống Thanh Hóa, (loại hình kiến trúc, điêu khắc)*”, Đề tài Khoa học cấp tỉnh, Thanh Hóa.
- [10]. Phạm Tuấn (2007), *Vài nét thoáng qua về kiến trúc gỗ truyền thống Thanh Hóa*, Tạp chí *Di sản Văn hóa*, số 1 (18), tr. 91 - 93.

VÀI VẤN ĐỀ VỀ KIẾN TRÚC GỖ TRUYỀN THỐNG Ở THANH HÓA

Hà Đình Hùng

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: hadinhhung@dvttdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/7/2025
 Ngày phản biện: 17/7/2025
 Ngày tác giả sửa: 20/7/2025
 Ngày duyệt đăng: 24/10/2025
 Ngày phát hành: 31/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.55988/2588-1264/290>

Kiến trúc gỗ truyền thống là một bộ phận quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa vật thể của Việt Nam, phản ánh sâu sắc trình độ kỹ thuật, tư duy thẩm mỹ và bản sắc văn hóa của cộng đồng qua nhiều thời kỳ. Tỉnh Thanh Hóa hiện đang lưu giữ một số lượng đáng kể các công trình kiến trúc gỗ như đình, chùa, đền, miếu, nhà thờ họ có giá trị nghệ thuật và lịch sử cao. Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề tiêu biểu liên quan đến kiến trúc gỗ truyền thống ở Thanh Hóa, từ đặc điểm kết cấu, kỹ thuật xây dựng, phong cách nghệ thuật đến thực trạng bảo tồn và sử dụng. Trên cơ sở khảo cứu tài liệu, khảo sát thực địa và phỏng vấn chuyên gia, bài viết bước đầu nhận diện những giá trị đặc trưng của kiến trúc gỗ địa phương, đồng thời đề xuất một số định hướng nhằm bảo tồn và phát huy hiệu quả loại hình di sản này trong bối cảnh đương đại.

Từ khóa: Kiến trúc gỗ truyền thống; Di sản văn hóa vật thể; Đình chùa; Thanh Hóa; Bảo tồn kiến trúc; Văn hóa địa phương.